TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 259/2024/HC-PT Ngày 09 tháng 4 năm 2024 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 929/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 524/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Liên Thu T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số H, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Lê K – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C (vắng mặt)

Luật sư Nguyễn Huy K1 – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thu A, sinh năm 1946 (vắng mặt)

3.2. Ông Liên Trọng H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.3. Ông Liên Trọng N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.4. Bà Liên Thu T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.5. Ông Liên Trọng Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3.6. Bà Liên Thu T2, sinh năm 1971 (vắng mặt)

3.7. Bà Liên Thu A1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3.8. Trẻ Huỳnh Bảo X, sinh năm 2008

Cùng địa chỉ: Số G, Khóm F, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Huỳnh Bảo X: Bà Liên Thu A1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số G, Khóm F, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, ông H, ông N, bà T1, ông Đ, bà T2, bà A1: Bà Liên Thu T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số H, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3.9. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Liên Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, bà Liên Thu T là người khởi kiện trình bày nội dung như sau:

Ngày 25/11/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà để thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên, hạng mục Xây dựng đường lộ Bờ Tây *(nay là*

đường N). Theo đó, thu hồi của bà phần đất diện tích 17,30m^2, thuộc một phần thửa đất số 389, mảnh trích đo địa chính số 54 *(một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ chính quy số 28)*, loại đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 24/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ của bà *(có trích lục phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo)* với số tiền 17.902.040 đồng.

Bà không đồng ý, vì bà cho rằng bồi thường còn thiếu diện tích đất, nên đã làm đơn khiếu nại. Ngày 18/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà (lần đầu). Bà không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngày 02/6/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà T (giải quyết lần 2) chấp nhận nội dung khiếu nại của bà. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại đối với bà T theo hướng chấp nhận bồi thường bổ sung phần diện tích đất còn thiếu là 13,6m^2.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Nay, bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 22/3/2023, bà Liên Thu T khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số: 130/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu xem xét hủy thêm các quyết định số 859, 860, 861, 862, 863, 864 và 865/QĐ-UBND cùng ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Tại Văn bản ghi ý kiến số 4551/UBND-NC ngày 05/12/2022 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày nội dung như sau:

Nguồn gốc đất là của ông Liên Kim T3 (cha bà Liên Thu T) được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00564 QSDĐ/12/QĐ-UB ngày 07/10/1999, diện tích 12.348m^2, tờ bản đồ số 01, gồm các thửa 55, diện tích 3.520m^2 đất trồng lúa; thửa 56, diện tích 4.955m^2 đất vườn tạp; thửa 260-1, diện tích 300m^2 đất ở; thửa 260-2, diện tích 3.573m^2 đất vườn tạp, hình thể thửa đất thể hiện tiếp giáp kênh Bờ Tây và kênh 30/4 (không thể hiện kích thước kênh và không có chiều dài các cạnh của các thửa đất cấp Giấy chứng nhận sau thời điểm thực hiện lộ B) .

Ngày 20/6/2001, ông T3 được phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các thửa đất số 55, 56 và 260-2, tổng diện tích là 12.048m^2 sang mục đích đất nuôi trồng thủy sản. Ngày 17/6/2004, ông Liên Kim T3 thực hiện chuyển quyền

2.706m^2 đất nuôi trồng thủy sản cho các ông (bà) Lâm Tú P, Liên Trọng H, Liên Thu T, Liên Trọng N, Liên Trọng Đ, Liên Thu A1, Liên Thu T1, Liên Thu T2 (được Phòng Địa chính chỉnh lý ngày 09/8/2004)

Ngày 03/8/2004, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 328m^2 *(ngang 8m x dài 41m)* đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số 389, tờ bản đồ số 01, đất tại phường N, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu. Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp Kênh rộng 10m và lộ Bờ Tây rộng 10m.

Đến ngày 03/4/2018, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 564,8m^2 *(trong đó có 33,6m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch đường B)*, loại đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 28 *(do diện tích tăng 236,8m^2)*. Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp đường lộ B, hiện trạng đường 6,6m.

Ngày 25/11/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Liên Thu T để thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên, hạng mục Xây dựng đường lộ Bờ Tây *(nay là đường N)*. Theo đó, thu hồi 17,3m^2 đất của bà Liên Thu T, thuộc một phần thửa đất số 389, mảnh trích đo địa chính số 54 *(một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ chính quy số 28)*, loại đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 24/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Liên Thu T *(có trích lục phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo)* với số tiền 17.902.040 đồng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 327391, thửa đất 134, tờ bản đồ số 28, tọa lạc đường B, phường N, thành phố B do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 03/4/2018 cho thấy: Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp đường lộ B, hiện trạng đường 6,6m *(thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất),* thửa đất có 33,6m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch đường B và bà Liên Thu T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính.

Tuy nhiên, theo B đồ tuyến tại khu vực quy hoạch do Trung tâm K2 tỉnh cung cấp, thể hiện lộ Bờ Tây giáp thửa đất của bà T có hiện trạng 7,52m. Qua các căn cứ trên thể hiện: Từ mí lộ hiện trạng đến chỉ giới quy hoạch được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với mí lộ hiện trạng đến ranh giải phóng mặt bằng được thể hiện trên B đồ tuyến có sự chênh lệch về diện tích đất bị thu hồi của bà T. Đây cũng là nguyên nhân bà T đang khiếu nại.

Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 28/12/2021 do Trung tâm K2 với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiến hành lồng ghép giữa bản đồ chính quy *(dùng để cấp Giấy chứng nhận)* với bản đồ quy hoạch và Công văn số 01/TTKTTNMT-HC ngày 05/01/2022 của Trung tâm K2 tỉnh thể hiện phần diện

tích chênh lệch giữa lộ hiện trạng trên Giấy chứng nhận so với lộ hiện trạng trên Bình đồ tuyến tại thửa đất của bà T là 13,6m^2. Đây là phần diện tích bị ảnh hưởng dự án nhưng chưa được bồi thường.

Từ những căn cứ trên cho thấy diện tích đất bị thu hồi của bà Liên Thu T chưa đúng so với hiện trạng thực tế và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, thiếu 13,6m^2. Do đó, bà T khiếu nại bồi thường thiếu diện tích đất là có cơ sở để chấp nhận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 giải quyết khiếu nại lần 2 chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Liên Thu T là đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B không trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Liên Thu T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Liên Thu T và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Liên Thu T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/09/2023, người khởi kiện là bà Liên Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Liên Thu T, sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của bà T:

[2.1] Hồ sơ thể hiện, nguồn gốc đất là của ông Liên Kim T3 được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00564 QSDĐ/12/QĐ-UB ngày 07/10/1999, diện tích 12.348m^2, tờ bản đồ số 01, gồm các thửa 55, diện tích 3.520m^2 đất trồng lúa; thửa 56, diện tích 4.955m^2 đất vườn tạp; thửa 260-1, diện tích 300m^2 đất ở; thửa 260-2, diện tích 3.573m^2 đất vườn tạp, hình thể thửa đất thể hiện tiếp giáp Kênh Bờ T4 và Kênh 3 *(không thể hiện kích thước Kênh và không có chiều dài các cạnh của các thửa đất, cấp Giấy chứng nhận sau thời điểm thực hiện lộ B).* Đồng thời, ông Liên Kim T3 không có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ngày 20/6/2001, ông T3 được phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các thửa đất số 55, 56 và 260-2, tổng diện tích là 12.048m^2 sang mục đích đất nuôi trồng thủy sản. Ngày 17/6/2004, ông Liên Kim T3 thực hiện chuyển quyền 2.706m^2 đất nuôi trồng thủy sản cho các ông bà Lâm Tú P, Liên Trọng H, Liên Thu T, Liên Trọng N, Liên Trọng Đ, Liên Thu A1, Liên Thu T1, Liên Thu T2 (được Phòng Địa chính thị xã B chỉnh lý ngày 09/8/2004).

Ngày 03/8/2004, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 328m^2 (ngang 8m x dài 41m), loại đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa số 389, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường N, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu. Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp Kênh rộng 10m và lộ Bờ Tây rộng 10m.

Đến ngày 03/4/2018, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 327391, diện tích 564,8m^2 (ngang 8m x dài 66,4m), loại đất nuôi trồng thủy sản (trong đó có 33,6m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch đường B), thửa đất số 134, tờ bản đồ số 28 (do các thửa đất ban đầu đã được tách thửa, hợp thành các thửa đất mới và có thay đổi vị trí, diện tích tăng 236,8m^2). Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp đường lộ B, hiện trạng đường 6,6m (thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngày 25/11/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Liên Thu T để thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Hợp

phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên, hạng mục Xây dựng đường lộ Bờ Tây *(nay là đường N)*. Theo đó, thu hồi 17,3m^2 đất của bà Liên Thu T, thuộc một phần thửa đất số 389, mảnh trích đo địa chính số 54 *(một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ chính quy số 28)*, loại đất nuôi trồng thủy sản.

Năm 1996, khi thực hiện mở rộng lộ Bờ Tây 10m đã ảnh hưởng vào đất của các hộ dân, trong đó có hộ ông Liên Kim T3, nhưng do thời điểm đó Nhà nước không có chủ trương thu hồi bồi thường giá trị đất. Khi điều chỉnh mặt lộ Bờ Tây nhỏ lại thì diện tích đất dư ra người dân được quyền sử dụng, nên năm 2018, các hộ dân trong khu vực, cụ thể là bà T và các anh chị em ruột của bà T đã thực hiện thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do chỉnh lý biến động diện tích tăng thêm, do thay đổi chỉ giới quy hoạch và hợp thức hóa bảo lưu kênh 30/4 nên bà T đủ điều kiện được bồi thường về đất. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố B lập phương án bồi thường giá trị đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án xây dựng đường L và ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà L Thu Trang là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[2.2] *Xét Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về thu hồi đất của bà Liên Thu T.*

Các Quyết định thu hồi đất số 382/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 07/5/20191 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt Khung chính sách tái định cư Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam- Tiểu dự án thành phố B; Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam, vay vốn WB- Tiểu dự án thành phố B. Theo Quyết định thu hồi 17,30m^2 đất của bà Liên Thu T, thuộc một phần thửa đất số 389, mảnh trích đo địa chính số 54 *(một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ chính quy số 28)*, loại đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam T dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên, hạng mục Xây dựng đường lộ Bờ Tây được thực hiện đúng trình tự và có căn cứ pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định không khiếu nại hay yêu cầu gì về việc thu hồi đất, bà T đồng ý việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố B. Do đó, Quyết định thu hồi đất số 382/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng quy định của Luật Đất đai.

[2.3] *Xét Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Liên Thu T:*

Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022 và tại phiên tòa, bà Liên Thu T là người khởi kiện cho rằng, thời điểm ông Liên Kim T3 chưa cho bà T phần đất thì gia đình có tự tiến hành đo đạc đất thì phần đất có chiều sâu khoảng 95m nhưng khi tách quyền sử dụng đất cho bà thì phần đất bà T được cấp Giấy chứng nhận chỉ có chiều sâu 70,6m và diện tích cấp giấy cho bà 564,8m^2 là thiếu, theo bà T diện tích cấp đủ phải là 748m^2. Đồng thời, phần đất ông Liên Kim T3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.348m^2, nhưng khi tách ra thành 7 thửa cho các anh em của bà nhưng khi cộng lại thì diện tích các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn 9.790,8m^2, còn thiếu 3.128,4m^2. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 03/8/2004, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 328m^2 (ngang 8m x dài 41m), loại đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 01, thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp Kênh rộng 10m và lộ Bờ Tây rộng 10m. Ngày 03/4/2018, bà Liên Thu T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 372392, diện tích 564,8m^2 *(trong đó có 33,6m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch đường B)*, loại đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 28 *(do các thửa đất ban đầu đã được tách thửa, hợp thành các thửa đất mới và có thay đổi vị trí, diện tích tăng 236,8m^2)*. Thửa đất thể hiện mặt tiền tiếp giáp đường lộ B, hiện trạng đường 6,6m *(thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Tuy nhiên, theo B đồ tuyến tại khu vực quy hoạch do Trung tâm K2 tỉnh cung cấp, thể hiện lộ Bờ Tây có hiện trạng bề rộng mặt lộ nhiều đoạn có số đo khác nhau đoạn rộng nhất là 7,79m, đoạn hẹp nhất là 7,35m, tại vị trí phần đất của bà T có hiện trạng mặt lộ 7,52m. Qua các chứng cứ do cơ quan chuyên môn cung cấp thể hiện: Từ mí lộ hiện trạng đến chỉ giới quy hoạch được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T so với mí lộ hiện trạng đến ranh giải phóng mặt bằng được thể hiện trên B đồ tuyến có sự chênh lệch về diện tích đất bị thu hồi của bà T. Đây cũng là nguyên nhân bà T đang khiếu nại. Mặt khác, tại Công văn số 78/TTKTTNMT ngày 22/7/2021 của Trung tâm K2 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Bút lục số 207) xác định: *"...Năm 2018, Chủ đầu tư có Biên bản bàn giao cọc mốc giải phóng mặt bằng do có thay đổi tim thiết kế đường lộ B. Trung tâm đã xuất hồ sơ kỹ thuật các thửa đất của bà Liên Thu A1 (là người đại diện) lần hai với tim thiết kế mới. Do đó, diện tích bị thu hồi lần hai so với lần một có sự chênh lệch là do điều chỉnh tim thiết kế lộ Bờ Tây. Như vậy, phần diện tích bị thu hồi do thay đổi tim thiết kế đường lần hai, Trung tâm đã thực hiện đúng theo hồ sơ đã được phê duyệt"*.

Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 28/12/2021 do Trung tâm K2 với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiến hành lồng ghép giữa bản đồ

chính quy *(dùng để cấp Giấy chứng nhận)* với bản đồ quy hoạch và Công văn số 01/TTKTTNMT-HC ngày 05/01/2022 của Trung tâm K2 tỉnh thể hiện phần diện tích chênh lệch giữa lộ hiện trạng trên Giấy chứng nhận so với lộ hiện trạng trên Bình đồ tuyến tại thửa đất của bà T là 13,6m^2. Đây là phần diện tích bị ảnh hưởng dự án nhưng chưa được bồi thường. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định 861 sửa một phần Quyết định 130 bồi thường thêm cho bà T phần đất thiếu diện tích 13,6m^2 là đúng quy định của pháp luật. Đối với ý kiến của bà T cho rằng bà được cấp Giấy chứng nhận diện tích 564,8m^2 là thiếu, diện tích đủ phải là 748m^2 nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày này của bà T không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà trang là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bà T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Liên Thu T phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Liên Thu T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng:

Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Pháp lệnh số 53-LCT/HD9NN8 ngày 07/5/1991 của Hội đồng Nhà nước về khiếu nại, tố cáo của công dân;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T5 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Liên Thu T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Liên Thu T và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Liên Thu T.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Liên Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Liên Thu T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000272 ngày 27/10/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Liên Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000495 ngày 15/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy